

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐẶNG NGUYỄN BÁCH

PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng – 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. BÙI QUANG BÌNH

Phản biện 1: TS. Trương Sĩ Quý

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 01 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin học liệu – Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế – Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, trong đó có Bình Định nói chung và thành phố Quy Nhơn nói riêng đã có những thành tựu đáng kể: Phát triển nhanh công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp lọc dầu và công nghiệp chế biến, khai thác tài nguyên khoáng sản, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, nâng cao năng lực đánh bắt hải sản và công nghiệp chế biến thủy, hải sản, nhất là chế biến xuất khẩu, đầu tư cho ngành cơ khí chủ yếu là sửa chữa và đóng tàu thuyền; phát triển ngành công nghiệp dệt, da, may phục vụ đời sống xuất khẩu.

Quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh chóng, dẫn đến những vấn đề phát sinh về lao động, chuyển đổi ngành, nghề, đời sống người dân. Ngoài số lao động tăng thêm hàng năm, bộ đội xuất ngũ về địa phương, số học sinh ra trường tìm việc làm, số lao động dôi dư do sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, lao động chuyển đổi ngành nghề do đô thị hoá, di dời, giải toả, lao động di chuyển đến, còn phải kể đến tình trạng di cư từ nông thôn ra thành thị rất cao ở các nhóm trẻ tuổi nhưng trình độ học vấn và chuyên môn hạn chế.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 đã xác định: phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, trong đó có đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế được Việt Nam đặc biệt coi trọng. Để hình thành đội ngũ nhân lực có trình độ và cơ cấu hợp lý có khả năng tham gia phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng, tạo điều kiện thúc đẩy nền

kinh tế của tỉnh tăng trưởng và phát triển bền vững thực hiện thành công mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII thông qua, việc tiến hành xây dựng quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bình Định và Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ TP. Quy Nhơn thời kỳ 2011-2020 là vô cùng cần thiết và cấp bách.

Trong những năm tới mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội đặt ra đòi hỏi ngày càng lớn cần phải có những giải pháp mang tính khả thi để thực hiện. Xuất phát từ những lý do trên, tác giả đã chọn vấn đề: **“Phát triển đào tạo nghề trên địa bàn Thành phố Quy Nhơn”** làm đề tài nghiên cứu của luận văn.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận liên quan đến phát triển đào tạo nghề. Đồng thời luận văn cũng giới thiệu một số mô hình phát triển đào tạo nghề và liên kết đào tạo nghề phổ biến ở Việt Nam và các nước.

Phân tích thực trạng việc phát triển đào tạo nghề tại thành phố Quy Nhơn trong thời gian qua.

Đề xuất một số giải pháp để phát triển đào tạo nghề như quy mô, phân bố và chất lượng cơ sở đào tạo nghề...

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển cơ sở đào tạo nghề.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung đề tài: chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phát triển đào tạo nghề.

- Không gian: đề tài nghiên cứu các nội dung trên tại Thành phố Quy Nhơn.

- Thời gian: các giải pháp được đề xuất trong luận văn có ý nghĩa từ nay cho đến những năm trước mắt.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện các mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài sử dụng các phương pháp sau đây:

- Phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử.

- Phương pháp phân tích thực chứng, phương pháp phân tích chuẩn tắc.

- Phương pháp phân tích so sánh, điều tra, khảo sát, dự báo, phương pháp chuyên gia và các phương pháp khác, ...

5. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, tài liệu tham khảo đề tài được chia làm các chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về phát triển đào tạo nghề

Chương 2: Thực trạng công tác phát triển đào tạo nghề tại thành phố Quy Nhơn

Chương 3: Một số giải pháp để phát triển đào tạo nghề tại thành phố Quy Nhơn trong thời gian tới.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN

VỀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ

1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CHUNG LIÊN QUAN ĐÀO TẠO NGHỀ

1.1.1. Nghề

Từ điển tiếng Việt định nghĩa: “Nghề là công việc chuyên làm theo sự phân công lao động trong xã hội. Nghề nghiệp là nghề để sinh sống và để phục vụ xã hội”.

1.1.2. Đào tạo nguồn nhân lực

Đào tạo nguồn nhân lực là một hoạt động có tổ chức, được thực hiện trong một thời gian nhất định và nhằm đem đến sự thay đổi nhân cách và nâng cao năng lực của con người.

1.1.3. Đào tạo nghề

Đào tạo nghề được hiểu là toàn bộ các quá trình của con người và tích lũy của cá nhân (kiến thức kỹ năng, kỹ xảo, các đặc điểm tâm lý). Ngoài ra, đào tạo nghề còn được hiểu là toàn bộ các hoạt động được triển khai theo cá nhân hay tập thể, một cách ngẫu nhiên hay có tổ chức.

1.1.4. Cơ sở đào tạo nghề

Cơ sở dạy nghề là một đơn vị cơ sở (có thể là công lập, bán công hoặc ngoài công lập) hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, có nhiệm vụ đào tạo nghề cho người lao động theo chỉ tiêu của Nhà nước hoặc theo nhu cầu của người học. Cơ sở đào tạo nghề bao gồm:

- a. Các trường trung cấp nghề và cao đẳng nghề
- b. Các trung tâm dạy nghề
- c. Các lớp dạy nghề

1.1.5. Hệ thống đào tạo nghề

Hệ thống đào tạo nghề là một tập hợp các cơ sở đào tạo nghề trên phạm vi cả nước hay một địa phương, bao gồm các trường dạy nghề, các trung tâm dạy nghề các lớp dạy nghề được Nhà nước quản lý từ Trung ương đến địa phương.

1.2. NỘI DUNG CỦA PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ

1.2.1. Quy hoạch hệ thống đào tạo nghề

Để góp phần tạo ra nguồn nhân lực có kỹ thuật, có tay nghề, nắm bắt và khai thác hiệu quả các kỹ thuật tiên tiến, công nghệ hiện đại thì một trong những vấn đề mà Việt Nam nói chung, và các địa phương nói riêng cần phải quan tâm đó là phát triển hệ thống cơ sở đào tạo nghề. Bởi đây là những cái “lò” cho ta những sản phẩm đặc biệt (nhân lực có đạo đức, sức khỏe, có tri thức, có kỹ năng, có tay nghề cao) đáp ứng nhu cầu phát triển KT – XH.

1.2.2. Phát triển số lượng cơ sở đào tạo nghề

- Phát triển số lượng cơ sở đào tạo nghề là sự tăng lên về số lượng cơ sở đào tạo nghề trong một khoảng thời gian nhất định.

- Phát triển cơ sở đào tạo nghề phải phù hợp đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch phát triển KT – XH của quốc gia và của từng địa phương.

- Phát triển cơ sở đào tạo nghề rộng khắp các địa phương, đa dạng các hình thức dạy nghề.

- Phát triển số lượng cơ sở đào tạo phải bảo đảm mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng lao động qua đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

Tiêu chí: Phát triển số lượng cơ sở đào tạo nghề

- Số lượng cơ sở đào tạo tăng thêm trong thời kỳ;
- Tỷ lệ tăng cơ sở đào tạo tăng thêm trong thời kỳ

- Số lượng và mức tăng cơ sở đào tạo nghề tại các địa phương,

1.2.3. Phân bố các cơ sở đào tạo nghề

Việc phân bố các cơ sở đào tạo nghề phải bảo đảm cân đối cung cầu lao động qua đào tạo giữa các ngành, vùng, miền, địa phương. Đáp ứng nhu cầu lao động có kỹ thuật cao phục vụ các chương trình phát triển KT – XH của mỗi quốc gia, mỗi địa phương.

Tiêu chí: Phân bố các cơ sở đào tạo nghề

- Số lượng và tỷ lệ cơ sở đào tạo nghề phải bố trí, sắp xếp theo địa bàn vùng, miền.

- Mức tăng giảm số lượng và tỷ lệ cơ sở đào tạo nghề phải bố trí, sắp xếp theo địa bàn vùng, miền.

1.2.4. Phát triển quy mô đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề

Trước sự phát triển KT – XH như ngày nay, việc tăng quy mô đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề là rất cần thiết để giải quyết vấn đề thiếu lao động có tay nghề kỹ thuật cao và tạo thuận lợi cho người lao động có điều kiện học nghề và tìm kiếm việc làm, góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

Tiêu chí: Phát triển quy mô đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề

- Số lượng học viên trong các cơ sở đào tạo trong khoảng thời gian nhất định

- Tỷ lệ tăng số lượng học viên trong các cơ sở đào tạo trong khoảng thời gian nhất định

- Số lượng và tỷ lệ tăng số lượng giáo viên trong các cơ sở đào tạo

- Số lượng và tỷ lệ tăng diện tích trường lớp và cơ sở vật chất

1.2.5. Phát triển ngành, nghề đào tạo

Trên cơ sở các ngành, nghề đã được quy định theo danh mục, các địa phương lựa chọn các ngành, nghề đưa vào đào tạo cho

người học cho phù hợp với tình hình phát triển KT – XH và khả năng của từng địa phương. Tuy nhiên, ngành nghề đào tạo cho người lao động phải theo hướng đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và xã hội (phát triển đào tạo những nghề mà xã hội cần chứ không phải chỉ đào tạo những nghề mình có).

Tiêu chí: Phát triển ngành, nghề đào tạo

- Số lượng các ngành nghề đang đào tạo
- Mức tăng số các ngành nghề đào tạo mới trong thời kỳ
- Mức tăng số học viên các ngành nghề mới.

1.2.6. Đa dạng hóa phương thức đào tạo nghề

Phương thức đào tạo là các hình thức, cách thức đào tạo nghề như đào tạo nghề chính quy tại các trường dạy nghề của Nhà nước, các trường dạy nghề bán công, tự thực, các trường, lớp dạy nghề của doanh nghiệp, của các dự án trong nước và ngoài nước hay kèm cặp nghề tại nơi sản xuất...

Tiêu chí: Đa dạng hóa phương thức đào tạo nghề:

- Số lượng và mức tăng Các hình thức đào tạo
- Kết hợp các hình thức đào tạo khác nhau

1.3 CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG PHÁT ĐÀO TẠO NGHỀ

1.3.1. Điều kiện tự nhiên

1.3.2. Tình hình phát triển kinh tế xã hội.

1.3.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển đào tạo nghề

a. Thị trường lao động

b. Định hướng cung – cầu lao động

c. Các chính sách và đầu tư của Nhà nước cho đào tạo nghề

d. Nhận thức của xã hội về dạy nghề và học nghề

1.3.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề

a. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đào tạo nghề và đối tượng học nghề

a1. Giáo viên dạy nghề và cán bộ quản lý

a2. Đối tượng học nghề

b. Cơ sở vật chất và tài chính phục vụ đào tạo nghề

c. Chương trình, giáo trình đào tạo nghề

d. Nội dung, phương pháp và nguồn học liệu cho đào tạo nghề

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ QUY NHƠN

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ QUY NHƠN VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Thành phố Quy Nhơn nằm ở phía nam trực thuộc tỉnh Bình Định, có chiều dài bờ biển hơn 40km, diện tích tự nhiên khoảng 284,28km², dân số khoảng 284 nghìn người, được chia thành 21 đơn vị hành chính (16 phường và 5 xã) trong đó có 04 xã đảo, bán đảo và 1 xã miền núi, là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của cả tỉnh Bình Định.

2.1.2. Đặc điểm xã hội

Dân số trung bình của thành phố Quy Nhơn năm 2012 là vào khoảng 285.53 người, mật độ dân số khoảng 257,3 người/km².

Thành phố Quy Nhơn có 2 trường đại học và có 3 trường cao đẳng. Có 1 trường trung cấp và nhiều trung tâm dạy nghề, lớp dạy nghề khác.

2.1.3. Đặc điểm kinh tế

Năm 2005, tỷ trọng cơ cấu kinh tế trong GDP như sau: nông, lâm, thủy sản – công nghiệp và xây dựng – dịch vụ lần lượt đạt: 8,9% - 46,7% - 44,4%. Đến cuối năm 2008, tỷ lệ này là: 7,2% - 49,5% - 43,3%. Đến năm 2012, dự kiến sẽ là: 5% - 50% - 45%.

2.2. DÂN SỐ - LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ QUY NHƠN

2.2.1. Dân số - Lao động thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2008 – 2012

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2012, thành

phố Quy Nhơn có 285.53 hộ; trong đó, nam 137.048 người chiếm 49,%, nữ 145.527 người chiếm 51%.

2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu lao động thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2008 – 2012

Lao động khu vực nông lâm thủy sản giảm từ 63,4% năm 2008 xuống còn 58,3% năm 2012, trong khi đó lao động các khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ từ 16,5% lên 19,3% năm 2012. Đồng thời, lao động thuộc thành phần kinh tế Nhà nước từ 6,8% năm 2008 xuống còn 5,8% năm 2012; ngược lại, lao động ngoài Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài từ 93,2% năm 2008 lên 94,2% năm 2012.

2.3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ QUY NHƠN TRONG THỜI GIAN QUA

2.3.1. Tình hình quy hoạch phát triển đào tạo nghề

Trên địa bàn thành phố có 18 cơ sở dạy nghề và có hoạt động dạy nghề, đảm nhận đào tạo nghề từ sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

Sáu năm qua cùng với phát triển về mạng lưới cơ sở dạy nghề, quy mô và cơ cấu ngành, nghề đào tạo, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề của tỉnh phát triển cả về số lượng và nâng cao chất lượng.

Hiện nay số giáo viên dạy nghề tại các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố là 411 người, so với năm 2008 đã tăng đáng kể (năm 2008 số giáo viên dạy nghề chỉ có 182 người) tăng lên 329 người, tương đương tăng 44,34%.

Bên cạnh đội ngũ giáo viên, các cán bộ quản lý cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể trong các cơ sở dạy nghề và hiệu quả hoạt động của họ cũng tác động rất lớn tới chất lượng đào tạo.

Bảng 2.10. Tổng hợp tình hình cán bộ quản lý Dạy nghề trên địa bàn thành phố Quy Nhơn tính đến năm 2012

Đơn vị tính: người

Trình độ đào tạo		Tổng số	Cơ sở Đào tạo nghề		
			Trường dạy nghề	Trung tâm dạy nghề	Cơ sở dạy nghề khác
Sau đại học		26	46	0	0
Đại học		83	40	31	12
Cao đẳng		58	19	36	3
Trình độ khác		35	1	28	6
Tổng số		202	86	95	21
Đã qua bồi dưỡng QL	SL	42	28	10	4
HCNN	Tỷ lệ %	20,8	32,6	10,1	19,4
Đã qua bồi dưỡng QLGD	SL	51	21	24	6
	Tỷ lệ %	25,2	24,4	25,2	28,6
Cơ cấu trình độ (tổng số = 100%)		100	100	100	100
Sau đại học		12,87	30,23	0,00	0,00
Đại học		41,09	46,51	32,63	57,14
Cao đẳng		28,71	22,09	37,89	14,29
Trình độ khác		17,33	1,16	29,47	28,57

(Nguồn: Thống kê Sở Lao động – Thương binh và XH tỉnh Bình Định 2012)

Những năm gần đây, đầu tư cho cơ sở vật chất trang thiết bị đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề là tương đối lớn. Cơ sở hạ tầng ở

các trường hiện nay khá kiên cố và bề thế. Cơ sở hạ tầng cho hệ thống dạy nghề đại trà gồm các trung tâm dạy nghề và cơ sở dạy nghề khác (ngoài các trường nghề) của thành phố còn thiếu và yếu.

Về trang thiết bị đào tạo: trang thiết bị phục vụ cho đào tạo nghề rất đa dạng về chủng loại và chất lượng. Hầu hết các cơ sở đào tạo trong tỉnh vẫn còn khá nhiều trang thiết bị đào tạo cũ, lạc hậu, đặc biệt là các thiết bị dùng chung như máy slide, overhead projector, TV & VCD, ...

Tài chính phục vụ đào tạo nghề gồm các nguồn: ngân sách nhà nước, học phí, các nguồn thu và hỗ trợ khác. Tài chính cho đào tạo nghề hiện nay còn rất eo hẹp, chưa thể đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu phát triển đào tạo nghề hiện tại và trong những năm tiếp theo. Tỷ lệ ngân sách nhà nước chi cho đào tạo nghề hiện nay so với tổng kinh phí đào tạo thực tế chỉ chiếm khoảng 60%.

Tóm lại, dưới sự tác động, chi phí của các yếu tố cơ bản đã phân tích ở trên cùng với những yếu tố cơ bản đã phân tích ở trên cùng với những yếu tố môi trường khác dẫn đến chất lượng đào tạo nghề hiện nay của các cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh còn thấp so với các tỉnh thành lớn trong nước và các nước khác trong khu vực cũng như thế giới. Lao động đào tạo ra chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của thị trường.

Phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề thành phố Quy Nhơn, đa dạng các hình thức dạy nghề, tạo điều kiện cho người lao động, thanh niên, nông dân, người dân tộc thiểu số học nghề, lập nghiệp. Xây dựng một số cơ sở dạy nghề chất lượng cao, một số trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới.

2.3.2. Tình hình phát triển số lượng cơ sở dạy nghề

Trên địa bàn thành phố Quy Nhơn hiện có 18 cơ sở dạy nghề và có hoạt động dạy nghề. Từ năm 2008 đến năm 2012 đã phát triển được 2 cơ sở dạy nghề (Trung tâm Dạy nghề - Giới thiệu việc làm Thanh niên, Trung tâm Dạy nghề Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh). Ngoài việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động phổ thông tại các cơ sở dạy nghề, thành phố đã huy động các cơ sở giáo dục khác có điều kiện dạy nghề cùng phối hợp, tham gia như: các Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp - Dạy nghề, Trung tâm Giới thiệu việc làm, các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh cá thể cùng tham gia đào tạo nghề.

2.3.3. Tình hình phân bố các cơ sở đào tạo nghề

Sự phân bố các cơ sở dạy nghề trên địa bàn còn bất hợp lý. Các cơ sở dạy nghề hầu hết tập trung ở thành phố Quy Nhơn, người lao động muốn học nghề phải đi xa, gặp rất nhiều khó khăn, nhất là lao động ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Các trường dạy nghề, Trung tâm dạy nghề và các lớp dạy nghề của thành phố Quy Nhơn

TT	Tên trường	Vị trí của trường	Cơ quan quản lý
1	Trường cao đẳng nghề quy nhơn	TP Quy Nhơn	UBND tỉnh Bình Định
2	Trường TC nghề Thủ công-Mỹ nghệ	TP Quy Nhơn	Sở LĐ-TB &XH Tỉnh Bình Định
3	Trung tâm dạy nghề - HLH phụ nữ	TP Quy Nhơn	Hội LH Phụ nữ Tỉnh Bình Định
4	Trung tâm dạy nghề GTVL thanh niên	TP Quy Nhơn	Tỉnh đoàn Bình Định
5	Trung tâm dạy nghề Công đoàn Bình Định	TP Quy Nhơn	Liên đoàn LĐ Tỉnh Bình Định

TT	Tên trường	Vị trí của trường	Cơ quan quản lý
6	Trung tâm dạy nghề - hỗ trợ Nông dân tỉnh	TP Quy Nhơn	Hội nông dân Tỉnh Bình Định
7	Trung tâm dạy nghề tư thực Âu Lạc	TP Quy Nhơn	UBND tỉnh
8	Trung tâm BTXH Đồng tâm	TP Quy Nhơn	Sở LĐ-TB &XH Tỉnh Bình Định
9	Trung tâm dạy nghề các khu công nghiệp	TP Quy Nhơn	UBND tỉnh
10	Trung tâm giới thiệu việc làm Bình Định	TP Quy Nhơn	Sở LĐ-TB &XH Tỉnh Bình Định
11	Trung tâm đào tạo nghiệp vụ Giao thông vận tải	TP Quy Nhơn	Sở Giao thông vận tải
12	Trung tâm GDTX-HN Quy Nhơn	TP Quy Nhơn	Sở GD&ĐT Bình Định
13	Công ty TNHH May Thành Hiệp	TP Quy Nhơn	Sở KH-ĐT
14	Công ty cổ phần Thủy Sản Bình Định	TP Quy Nhơn	UBND tỉnh
15	Công ty cổ phần Giáo dục Quy Nhơn	TP Quy Nhơn	Sở KH-ĐT
16	Công ty TNHH Minh Phát	TP Quy Nhơn	Sở KH-ĐT
17	Công ty cổ phần Âu Lạc TP.	TP Quy Nhơn	Sở KH-ĐT
18	Khách Sạn Hải Âu	TP Quy Nhơn	CTCP.XD 47

(Nguồn: Thống kê của Sở LĐ-TB&XH Bình Định 2012)

2.3.4. Tình hình phát triển quy mô đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề

Từ năm 2008 đến năm 2012, tỷ lệ lao động qua đào tạo và bồi dưỡng nghề đạt 27% - 36%, số lao động qua đào tạo nghề và bồi dưỡng nghề đạt từ 32.494 người năm 2008 đến 47.088 người năm 2012; trong đó, đào tạo dài hạn từ năm 2008 đến năm 2012 đạt từ 3.260 người đến 4.721 người (trình độ cao đẳng và trung cấp nghề); đào tạo ngắn hạn (sơ cấp nghề): 17.575 người năm 2008 và đến năm 2012 là 25.453 người.

Các cơ sở đào tạo của thành phố Quy Nhơn hiện nay chủ yếu vẫn đào tạo theo chỉ tiêu nhà nước giao, theo mục tiêu, nội dung chương trình chuẩn quốc gia có sẵn, hay nói cách khác là đào tạo theo khả năng vốn có của mình (đào tạo cái mình có). Mức độ gắn kết giữa các cơ sở với thị trường lao động (hay các doanh nghiệp sử dụng lao động qua đào tạo nghề) còn yếu. Sự liên kết giữa các trường này với các doanh nghiệp trong lĩnh vực đào tạo nghề đều được thiết lập trong điều kiện nhà trường và doanh nghiệp là những đơn vị độc lập với nhau.

2.3.5. Tình hình ngành, nghề đào tạo

Các nghề được đào tạo hiện nay chủ yếu thuộc lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp (chiếm 31,77%); và lĩnh vực sản xuất chế biến (chiếm 21,05%), lĩnh vực công nghiệp xây dựng, kỹ thuật, công nghệ thông tin khoảng 25%, lĩnh vực dịch vụ, kinh doanh chiếm 12,92%. Như vậy các nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ chiếm tỷ lệ còn thấp chỉ khoảng 20% trong khi những nghề thuộc lĩnh vực này lại rất cần thiết cho phát triển KT – XH của tỉnh trong thời kỳ đẩy mạnh CNH – HĐH.

Xét mức độ phù hợp của nghề được đào tạo với việc làm hay

nói cách khác là mức độ phù hợp của nghề được đào tạo so với việc làm hiện tại cũng là một trong những tiêu chí phản ánh chất lượng đào tạo nghề.

Bảng 2.19. Đánh giá về mức độ phù hợp giữa nghề được đào tạo và việc làm theo trình độ đào tạo

Đơn vị tính: %

Mức độ phù hợp	Tổng số	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng
Tổng số = 100%	100	100	100	100
Rất phù hợp	7,5	11,3	8,3	10,4
Phù hợp	70,4	73,5	68,2	62,7
Không phù hợp	22,1	15,2	23,5	26,9

*(Nguồn: thống kê của sở lao động Thương binh và XH –
Tỉnh Bình Định)*

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ QUY NHƠN TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Quy Nhơn trong thời gian tới

Về cơ cấu kinh tế đến năm 2015 công nghiệp và xây dựng 50,5 – 51%, dịch vụ 44,5 – 45%, nông nghiệp 4,5 – 5%. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân trên 20%. Tạo việc làm mới hàng năm cho khoảng 5.000 lao động, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề đạt trên 75%.

3.1.2. Căn cứ vào Đề án đổi mới phát triển dạy nghề đến năm 2020 của bộ Lao động – Thương binh – Xã hội.

3.1.3. Căn cứ vào Dự thảo Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bình Định 2011- 2020.

3.1.3. Căn cứ vào Dự thảo Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bình Định 2011- 2020.

3.1.4. Xuất phát từ nguồn lực, tiềm năng của tỉnh và các cơ sở đào tạo hiện nay.

3.1.5. Các nguyên tắc khi xây dựng giải pháp

Xây dựng các giải pháp để phát triển cơ sở đào tạo nghề tại tỉnh Bình Định phải bảo đảm các nguyên tắc cơ bản đó là: bảo đảm tính mục tiêu; bảo đảm tính toàn diện và hệ thống; bảo đảm tính khả thi.

3.1.6. Định hướng phát triển cơ sở đào tạo nghề của tỉnh Bình Định

a. Định hướng về quy mô, cơ cấu trong đào tạo nghề.

b. Định hướng về phân bố và phát triển hệ thống cơ sở đào tạo nghề

3.1.7. Dự báo nhu cầu lao động qua đào tạo nghề Thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2011 – 2015 và đến năm

a. Căn cứ dự báo

Mô hình dự báo được thiết kế trên thể hệ thống các chương trình toán học thể hiện các mối tương quan giữa tăng trưởng dân số, lao động việc làm và phát triển kinh tế.

c. Kết quả dự báo nhu cầu lao động qua đào tạo nghề năm 2011 – 2020

3.1.8. Phân bố chỉ tiêu và phát triển ngành, nghề đào tạo

3.2. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ QUY NHƠN

3.2.1. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đào tạo nghề

Các sở ban ngành cùng với các doanh nghiệp, và các làng nghề truyền thống của Tỉnh có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát huy tay nghề của công nhân kỹ thuật bậc cao, những nghệ nhân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất vào truyền nghề dạng kèm cặp, thực hành. Và bố trí hợp lý vào công tác dạy nghề.

3.2.2. Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghề.

Hoàn thiện các phòng học bảo đảm đúng tiêu chuẩn của đào tạo nghề. Các cơ sở đào tạo phải bảo đảm có thư viện, khu thể thao, giải trí và nhà ở cho học sinh, sinh viên. Nâng cấp và đầu tư mới các thiết bị dạy nghề cho phù hợp với thực tế. Áp dụng công nghệ tiên tiến vào giảng dạy.

3.2.3. Hoàn thiện chương trình đào tạo nghề, đa dạng hóa các phương pháp đào tạo nghề.

- Căn cứ vào nghề, trang bị kỹ thuật và công nghệ, xem xét lại chương trình, giáo trình đào tạo hiện có để bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn.

- Xây dựng các chương trình liên thông trong đào tạo: sơ cấp nghề - trung cấp nghề - cao đẳng nghề - đại học v.v...

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề dưới mọi hình thức như ngắn hạn, dài hạn, tại chức, chính quy, công lập, bán công, tư thục v.v....

3.2.4. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo nghề, tăng cường các liên kết trong đào tạo nghề

- Chú trọng đến việc nghiên cứu phát triển dạy nghề, coi công tác dạy nghề như một khoa học để nghiên cứu phát triển; tuyển chọn các chuyên gia, cán bộ thậm chí cả các giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề tại các cơ sở phối hợp cùng doanh nghiệp trong việc nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp dạy nghề, bảo đảm cơ bản, tính hiện đại, liên thông và thực tiễn.

- Các cơ sở đào tạo nghề và các cơ quan chức năng quản lý về đào tạo nghề thường xuyên ra soát nội dung, chương trình đào tạo, bám sát vào chương trình khung của Bộ Lao động – thương binh và xã hội để xây dựng nội dung chương trình kết hợp với điều kiện và đặc điểm KT –XH, đặc điểm sản xuất, kinh doanh của địa phương và xu thế của thời đại để xây dựng nội dung, chương trình cho phù hợp.

3.2.5. Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội

Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và

xã hội về dạy nghề trong giải quyết việc làm, trong đảm bảo cơ cấu nguồn nhân lực. Nâng cao nhận thức của các doanh nhân về lợi ích của dạy nghề đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, từ đó chủ động tham gia, đóng góp chính và tích cực vào dạy nghề.

Phát triển sự nghiệp đào tạo nghề gắn liền với xã hội hóa giáo dục nhằm phát huy tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân, xây dựng cộng đồng trách nhiệm của toàn xã hội chăm lo cho sự nghiệp dạy nghề.

3.2.6. Xây dựng mới và hoàn thiện cơ chế chính sách cho đào tạo nghề

Phát triển dạy nghề theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa. Xây dựng cơ chế, chính sách, khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng những thành tựu của khoa học giáo dục trong công tác dạy nghề

Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp trở thành một chủ thể quan trọng trong đào tạo nghề chẳng hạn: Chính sách đối với người học nghề, chính sách đối với cơ sở đào tạo nghề, chính sách đối với giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề.

Tăng cường vai trò đại diện của doanh nghiệp trong quá trình xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch và triển khai hoạt động dạy nghề của tỉnh.

3.2.7. Tăng cường huy động các nguồn vốn cho phát triển cơ sở đào tạo nghề

- Tranh thủ và sử dụng đúng mục đích và hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

- Xây dựng chính sách thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo nghề. Có cơ chế tạo sự kết nối giữa hệ thống đào tạo với người sử dụng lao động.

- Đảm bảo nguồn lực phát triển dạy nghề, Nhà nước, đặc biệt

là Chính quyền địa phương cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư cho phát triển dạy nghề. Nâng tỷ trọng đầu tư cho dạy nghề trong tổng ngân sách chi cho giáo dục đào tạo. Huy động các nguồn lực trong toàn tỉnh đồng thời huy động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, người học để phát triển cơ sở dạy nghề.

3.2.8. Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp trong tỉnh, ngoài tỉnh và hợp tác quốc tế về dạy nghề

- Tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên học nghề có cơ hội tham gia thực tập sản xuất, học hỏi kinh nghiệm, tiếp cận các thiết bị tiên tiến.

- Nắm bắt nhu cầu và khả năng sử dụng lao động thực tế tại các doanh nghiệp, có kế hoạch đào tạo ngành, nghề cho phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

- Phối hợp trong việc xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo cho phù hợp với đối tượng lao động ở doanh nghiệp.

- Phối hợp tổ chức bồi dưỡng nâng bậc nghề, tập huấn nâng cao kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ cho lao động

- Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tạo điều kiện cho các trường dạy nghề lớn trong tỉnh tham gia vào các Hội dạy nghề, các cơ sở đào tạo nghề của các quốc gia trong khu vực.

- Mở rộng trao đổi và học tập kinh nghiệm về dạy nghề của các nước; tạo điều kiện để các giáo viên dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về phát triển cơ sở đào tạo nghề, qua nghiên cứu thực trạng phát triển cơ sở đào tạo nghề tại thành phố Quy Nhơn, tác giả xin đưa ra một số kết luận sau:

1) Nguồn nhân lực được xem là một trong những yếu tố quan trọng để phát triển KT – XH. Quy mô và chất lượng lao động ảnh hưởng rất lớn đến khả năng cạnh tranh của nền kinh

2) Thành phố Quy Nhơn trong những năm qua đã có sự quan tâm nhất định đến phát triển cơ sở đào tạo nghề. Tuy nhiên hiện nay phát triển cơ sở đào tạo nghề tại thành phố Quy Nhơn còn nhiều bất cập: quy mô đào tạo còn thấp so với khả năng đào tạo; quy hoạch phát triển các cơ sở trong toàn hệ thống dạy nghề của tỉnh chưa phù hợp với yêu cầu thực tế; chất lượng đào tạo còn thấp; nội dung, phương pháp trong đào tạo, cơ cấu ngành nghề đào tạo, trình độ đào tạo chưa kịp sự phát triển của KT – XH, ảnh hưởng đến chất lượng, quy mô lao động, tác động trực tiếp đến sự phát triển KT – XH thành phố Quy Nhơn.

3) Phải coi phát triển cơ sở đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển nguồn nhân lực đồng thời coi đào tạo nghề cũng là bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

4) Luận văn đã góp phần làm rõ thêm cơ sở lý luận về vấn đề phát triển cơ sở dạy nghề. Từ đó cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển cơ sở đào tạo nghề tại thành phố Quy Nhơn tác giả đã đưa ra hệ thống những nhóm giải pháp sau:

* Nhóm giải pháp phát triển quy mô đào tạo nghề, số lượng cơ sở đào tạo nghề, phân bổ các cơ sở đào tạo nghề:

1- Định hướng phát triển cơ sở đào tạo nghề của thành phố Quy Nhơn.

2- Dự báo nhu cầu lao động qua đào tạo nghề thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2011 – 2015 và đến năm 2020.

3- Phân bổ chỉ tiêu và phát triển ngành, nghề đào tạo.

* Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề:

1- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đào tạo nghề.

2- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo nghề.

3- Hoàn thiện chương trình đào tạo nghề, đa dạng hóa các phương thức đào tạo nghề.

4- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo nghề, tăng cường các liên kết trong đào tạo nghề.

5- Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò vị trí của đào tạo nghề và học nghề đối với phát triển kinh tế xã hội.

6- Xây dựng mới và hoàn thiện cơ chế chính sách cho đào tạo nghề.

- Chính sách đối với người học nghề.

- Chính sách đối với cơ sở đào tạo nghề.

- Chính sách đối với giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề.

7 – Tăng cường huy động các nguồn vốn cho phát triển đào tạo nghề

8 – Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp trong tỉnh, ngoài tỉnh và hợp tác quốc tế về dạy nghề.

Các nhóm giải pháp và những giải pháp được trình bày trong luận văn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động qua lại với nhau, hỗ trợ, gắn kết với nhau thành thể thống nhất, trong đó mỗi

giải pháp mang tính độc lập tương đối về khả năng phát huy tác dụng ở từng thời điểm, điều kiện cụ thể, cần phải thực hiện, không thể bỏ qua giải pháp nào.

Việc phát huy tác dụng của các giải pháp phụ thuộc vào sự vận dụng nhuần nhuyễn, linh hoạt, đồng bộ một cách hợp lý vào thực tiễn cơ sở đào tạo nghề thành phố Quy Nhơn trên cơ sở xác định đúng đắn các yêu cầu, mục tiêu chiến lược phát triển KT – XH; chiến lược phát triển nguồn nhân lực và chiến lược phát triển dạy nghề của thành phố Quy Nhơn.